

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2022

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình

Ly hôn, nuôi con và tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp “Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1999.

Địa chỉ: tổ 17, ấp Phú Th 3, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lại Văn Giang— Chi nhánh Công ty luật TNHH MTV Tấn Thành thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Ngô Thành L, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

3.1 Ông Ngô Thành V, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: ấp Hưng T xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.2 Bà Nguyễn Thị Ch, sin năm 1970.

Nơi cư trú: ấp Hưng Tân, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Bà Chính ủy quyền cho ông Ngô Thành V (Theo văn bản ủy số 136/2021-SCT/CK,ĐC ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng.

3.3 Ông Lê Công Tr, sinh năm 1980.

3.4 Bà Trần Thị Ngh, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: số 520 tổ 17, ấp Phú Th 3, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

3.5 Anh Ngô Hồng Y1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Th, luật sư Giang có mặt; anh L, ông V, ông Tr, bà Ngh và anh Y1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/06/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T và bị đơn anh Ngô Thành L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh Th và anh Ngô Thành L thống nhất trình bày: sau khi tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên có tổ chức lễ cưới cho anh chị vào năm 2016, nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm, không phù hợp trong cuộc sống. Tuy đã được gia đình hai bên động viên hàn gắn chung sống lại với nhau cho đến tháng 5 năm 2020 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Th mang con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu ly hôn và anh L đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: anh chị có một con chung tên Lê Kh, sinh ngày 26/02/2018 hiện do chị Th đang chăm sóc nuôi dưỡng; chị Th và anh L thống nhất, chị Th được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến thành niên tự lập được, anh L không phải cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh L thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm: 20 (hai mươi) lượng vàng 24kara và số tiền 50.000.000đ, được cha mẹ hai bên cho trong ngày cưới. Quá trình chung sống, anh L đã lấy 20 (hai mươi) lượng vàng 24kara và số tiền 50.000.000đ đưa cho cha chồng là ông Ngô Thành Vân bán để lấy tiền đem cố đất của người khác. Chị Th yêu cầu ông Ngô Thành Vân trả lại 20 (hai mươi) lượng vàng 24kara và số tiền 50.000.000đ cho

vợ chồng chia khi ly hôn và chị yêu cầu được chia 10 lượng vàng và số tiền 50.000.000đ.

Ngoài ra, anh L có yêu cầu phản tố chia các tài sản chung của vợ chồng gồm: 05 lượng vàng 18k trị giá 165.000.000đ, 05 chỉ vàng 24K trị giá 26.500.000đ, 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 24.000.000đ, 01 xe hon trị giá 40.0000.000đ, số tiền 202.792.000đ, số tiền cho thuê đất 56.000.000đ (do chị Th đang quản lý) và 560.000.000đ tiền cổ đất cho ông Y. Tổng giá trị tài sản 1.074.292.000đ, anh L yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ là 537.146.000đ.

Quá trình Tòa án giải quyết, chị Th và anh L thống nhất như sau: gia đình anh L, ông Ngô Thành V giao cho chị Th số tiền 210.000.000đ và chị Th được sở hữu 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 24.000.000đ cùng giấy chứng nhận (đôi bông tai). Tài sản chung của anh L và chị Th đã tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Chị Th rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; anh L rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố về chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không ý kiến và yêu cầu giải quyết nào khác.

- Về nợ chung: anh L và chị Th thống nhất không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Ngô Thành V (cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ch) trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ch là vợ chồng, Ngô Thành L là con, Th là con dâu. Tơ và L kết hôn chung sống năm 2016. Sau đám cưới L và Th thống nhất có đưa cho ông 20 lượng vàng 24kra và 50.000.000đ bán để cổ đất và cho ông Ngô Hồng Y1 thuê lại nên ông đã bán 19,5 lượng vàng 24k với số tiền 682.792.500đ + 50.000.000đ (Th, L đưa nêu trên) tổng cộng là 732.792.500đ, trả tiền cổ đất 560.000.000đ cho ông Y, số tiền và vàng còn lại ông đã trả lại cho Th và L. Hiện ông không giữ số tiền và vàng nào của chị Th và anh L. Nên vợ chồng ông không đồng ý yêu cầu của Th về việc yêu cầu ông trả 20 (hai mươi) lượng vàng 24kara và số tiền 50.000.000đ để chia khi ly hôn. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Ông Lê Công Tr và bà Trần Thị Ngh trình bày: ông bà là vợ chồng, là cha mẹ ruột của Th, L là con rể. Vào ngày cưới của Th, vợ chồng ông bà có cho riêng Lê Thị Thanh Th 10 lượng vàng 24K (loại SJC) và số tiền 50.000.000đ làm của hồi môn. Riêng 05 lượng vàng 18K (vàng nữ trang) là do ông bà cho Th trước ngày cưới nên đây là tài sản riêng của Th do Th quyết định; đối với 01 xe máy hon da hiệu VARIO biển kiểm soát 67L 742.70 do ông (Lê Văn Tr) đứng tên giấy chứng nhận, ông bà chỉ cho Th mượn sử dụng, sau khi đám cưới Th đã trả lại xe cho ông bà, không phải là tài sản chung của vợ chồng Th L. Do đó không đồng ý yêu cầu phản tố của anh L. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu nào khác.

* Anh Ngô Hồng Y1 trình bày: Giữa anh với anh Ngô Thành L và ông Ngô Thành V là quan hệ họ hàng. Vào khoảng cuối 2016, anh có trực tiếp thỏa thuận với ông Ngô Thành V để cố cho ông Vân 14 công tằm cất đất sản xuất nông nghiệp của anh, đất tọa lạc tại xã Phú Hưng, do anh đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá 560.000.000đ (40.000.000 /1 công) việc cầm cố chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ và giao nhận tiền cố tại nhà ông V, (do ông V giao tiền anh trực tiếp nhận). Ngay sau khi cầm cố anh có thỏa thuận thuê lại đất để canh tác với giá 4.700.000đ/công/năm (03 vụ mùa) đã trả đủ tiền thuê đất (trả từng đợt theo mùa vụ). Hiện nay đã hết thời hạn cố và thuê đất nên anh đã trả đủ tiền thuê và số tiền cố 560.000.000đ cho gia đình ông V, anh L, anh không còn liên quan trong vụ án. Do đó, anh không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, về hôn nhân không công nhận chị Th và anh L là vợ chồng theo quy định pháp luật; về con chung giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung chị Th và anh L đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Về hôn nhân, chị Th và anh L tuy có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng. Về con chung anh chị có 01 chung hiện đang sống với chị Th, anh L đồng ý cho chị Th tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con, đề nghị HĐXX xem xét. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L và nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân, gia đình – Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Ngô Thành L là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hưng Tân, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh L, ông V, ông Tr, bà Nghe và anh Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Sau khi tự tìm hiểu, chị Th và anh L được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận chị Th và anh L là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Lê Kh, sinh ngày 26/02/2018 hiện do chị Th đang chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi con chung; Theo đơn khởi kiện chị Th yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con chung; tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Lê Kh do chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và anh L cũng đồng ý giao con chung cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao cháu Kh cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên hoặc tự lập được; anh L không phải cấp dưỡng cho con. Chị Th phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị Th không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: các đương sự đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Do chị Th rút lại yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn, anh L rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nên HĐXX đình chỉ các yêu cầu này của anh chị theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không nợ chung ai. Tuy nhiên, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Th và anh L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí về hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Thanh Th và anh Ngô Thành L là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Khánh, sinh ngày 26/2/2018 và đến khi thành niên hoặc tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Th phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn; không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn của chị Lê Thị Thanh Th.

+ Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của anh Ngô Thành L về chia tài sản chung khi ly hôn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.800.000 đồng theo biên lai thu số

0006826 ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, còn lại 12.500.000đ hoàn trả lại cho Chị Lê Thị Thanh Th.

Anh Ngô Thành L không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001651 ngày 25/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyền